

Số: **3883** /TM-BV

V/v: Yêu cầu báo giá Mua bảo hiểm
cháy, nổ bắt buộc.

Nghệ An, ngày **19** tháng **12** năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ Mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc tại Bệnh viện với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An.

Địa chỉ: Km5, đại lộ Lenin, phường Vinh Phú, Nghệ An.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: Trần Thế Anh

- Chức vụ: Nhân viên phòng Cơ sở hạ tầng và Trang thiết bị

- Số điện thoại: 0988228877

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Các nhà cung cấp dịch vụ gửi báo giá theo hình thức:

- Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ: Phòng Cơ sở hạ tầng và Trang thiết bị, Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An, Km5, đại lộ Lenin, phường Vinh Phú, Nghệ An. **Trên bì thư ghi rõ nội dung báo giá cho danh mục cụ thể.**

- Nhận qua email: bmed.nafgh@gmail.com (**Các đơn vị gửi bản scan kèm bản mềm (Word/Excel....)**)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày **23** tháng 12 năm 2025 đến trước 16h ngày **29** tháng 12 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày hết thời hạn tiếp nhận báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục dịch vụ:

(Có danh mục kèm theo)

2. Địa điểm cung cấp: Tại bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An

- Địa chỉ: Km5, Đại lộ Lenin, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An.

3. Giá báo giá đã bao gồm thuế và các chi phí khác.

4. Thời gian mua bảo hiểm: 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.



5. Nhà cung cấp báo giá thực hiện theo danh mục kèm theo. *Lo/Th*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Website Bệnh viện;
- Lưu VT, CSHT&TTB.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Quế Anh Trâm



DANH MỤC MUA BẢO HIỂM CHÁY NỔ BẤT BUỘC

(Kèm theo yêu cầu báo giá số 3883/TM-BV ngày 19 tháng 12 năm 2025)

STT	Tên tài sản (*)	Số lượng	Đơn vị tính	Nguyên giá (*)	Giá trị còn lại đến 31/12/2024	Giá trị còn lại tạm tính đến 31/12/2025
I. Nhà cửa, công trình xây dựng						
1	Khối nhà chính 7 tầng	50035	m2	558.477.224.141	488.667.571.123	522.888.893.524
2	Khoa lấy (Khoa truyền nhiễm)	2105	m2	14.787.318.621	8.872.391.172	481.686.605.821
3	Khoa chống nhiễm khuẩn	1148	m2	6.342.148.413	3.805.289.047	8.280.898.427
4	Nhà điều trị nội trú Trung tâm Bệnh nhiệt đới	695,46	m2	5.044.874.627	4.439.489.672	3.551.603.110
5	Trụ sở làm việc mới Ban BVSK cán bộ tính kết hợp khu điều trị nội trú	3849	m2	28.987.450.421	25.508.956.370	4.237.694.687
6	Ga ra xe máy, xe đạp CBCNV	2130	m2	3.896.870.000	1.042.424.459	24.349.458.353
II. Máy móc, trang thiết bị						
1	Máy thở Puritan bennett 840 Ventilator System Conviden	1	Bộ	648.500.000	324.250.000	113.821.659.909
2	Máy thở Puritan bennett 840 Ventilator System Conviden	1	Bộ	648.500.000	324.250.000	216.166.667
3	Máy thở chức năng cao có công cụ thở Oxy dòng cao bao gồm khí nén GE Carescape R860	1	Bộ	520.800.000	403.620.000	216.166.667
4	Máy thở xâm nhập và không xâm nhập Vela CareFusion	1	Cái	500.000.000	200.000.000	302.715.000
5	Máy thở xâm nhập và không xâm nhập Vela CareFusion	1	Cái	500.000.000	200.000.000	100.000.000
6	Máy lọc máu liên tục OMNI B.Braun	1	Hệ thống	1.196.000.000	717.600.000	100.000.000
7	Máy thở Oxy dòng cao TNI SoftFlow 50	1	Cái	200.000.000	120.000.000	538.200.000
8	Máy thở Oxy dòng cao TNI SoftFlow 50	1	Cái	200.000.000	120.000.000	90.000.000
9	Máy thở chức năng cao Puritan Bennett 840	1	Cái	539.000.000	323.400.000	90.000.000
10	Máy thở chức năng cao Puritan Bennett 840	1	Cái	539.000.000	323.400.000	242.550.000
11	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số Philips IntelliVue MX430	1	Cái	153.900.000	92.340.000	242.550.000
12	Máy LASER YAG Curas(QND-C1) iLooda	1	Cái	891.450.000	445.725.000	69.255.000
13	Kính hiển vi huỳnh quang BX53, Olympus, Nhật Bản	1	Cái	1.752.894.000	876.447.000	297.150.000
14	Máy lai phân tử dùng cho kỹ thuật FISH/CISH, Hybridizer, Agilent Technologies- Mỹ, Mỹ	1	Máy	305.000.000	152.500.000	584.298.000
15	Tủ âm CO2 để nuôi cấy tế bào ICO105med, Memmert, Đức	1	Tủ	242.000.000	121.000.000	101.666.667
16	Kính hiển vi soi ngược CKX53, Olympus-Nhật bản, Trung Quốc	1	Kính	234.985.000	117.492.500	80.666.667
17	Máy chiết xuất Axit nucleic Bioneer ExiPrep48 DX (A-5150)	1	Cái	804.287.309	482.572.385	78.328.333
18	Máy tách chiết DNA/RNA tự động Zixpress-32	1	Máy	374.880.000	299.904.000	361.929.289
19	Máy đo chức năng hô hấp MES LUNGTEST Mobile	1	Bộ	120.000.000	96.000.000	249.920.000
20	Máy đo chức năng hô hấp MES LUNGTEST Mobile	1	Bộ	120.000.000	96.000.000	76.800.000

24

STT	Tên tài sản (*)	Số lượng	Đơn vị tính	Nguyên giá (*)	Giá trị còn lại đến 31/12/2024	Giá trị còn lại tạm tính đến 31/12/2025
21	Dao Plasma dùng cho phẫu thuật tại mũi họng AEX Generator (40-405-1) Medtronic	1	Cái	1.624.520.000	812.260.000	541.506.667
22	Máy C-arm kỹ thuật số OMNISCOP C, A.T.S-Italy, Italy	1	Hệ thống	3.349.500.000	1.674.750.000	1.116.500.000
23	Bàn mổ đa năng Surginox, Steris-Mỹ, Pháp	1	Hệ thống	1.099.000.000	549.500.000	366.333.333
24	Máy thở Carescape R860 GE Healthcare có CN thử nghiệm cai thở tự nhiên	1	Máy	649.000.000	259.600.000	129.800.000
25	Máy thở Carescape R860 GE Healthcare có CN thử nghiệm cai thở tự nhiên	1	Máy	649.000.000	259.600.000	129.800.000
26	Máy thở Carescape R860 GE Healthcare có CN thử nghiệm cai thở tự nhiên	1	Máy	649.000.000	259.600.000	129.800.000
27	Máy thở Carescape R860 GE Healthcare có CN thử nghiệm cai thở tự nhiên	1	Máy	649.000.000	259.600.000	129.800.000
28	Máy thăm dò huyết động USCOM 1A	1	Cái	1.023.000.000	409.200.000	204.600.000
29	Monitor 7 thông số BSM-3562 Nihon Kohden	1	Cái	247.500.000	99.000.000	49.500.000
30	Máy thở Puritan bennett 840 Ventilator System Convinden	1	Bộ	648.500.000	324.250.000	216.166.667
31	Máy thở Puritan bennett 840 Ventilator System Convinden	1	Bộ	648.500.000	324.250.000	216.166.667
32	Máy thở Puritan bennett 840 Ventilator System Convinden	1	Bộ	648.500.000	324.250.000	216.166.667
33	Máy thở Puritan bennett 840 Ventilator System Convinden	1	Bộ	648.500.000	324.250.000	216.166.667
34	Máy thở Oxy dòng cao TNI SoftFlow 50	1	Cái	200.000.000	120.000.000	90.000.000
35	Máy thở Oxy dòng cao TNI SoftFlow 50	1	Cái	200.000.000	120.000.000	90.000.000
36	Máy thở xâm nhập và không xâm nhập Vela CareFusion	1	Cái	500.000.000	200.000.000	100.000.000
37	Máy thở xâm nhập và không xâm nhập Vela CareFusion	1	Cái	500.000.000	200.000.000	100.000.000
38	Máy thở xâm nhập và không xâm nhập Vela CareFusion	1	Cái	500.000.000	200.000.000	100.000.000
39	Máy thở xâm nhập và không xâm nhập Vela CareFusion	1	Cái	500.000.000	200.000.000	100.000.000
40	Máy thở Puritan Bennett 840 Coviden	1	Cái	648.000.000	259.200.000	129.600.000
41	Máy thở Puritan Bennett 840 Coviden	1	Cái	648.000.000	259.200.000	129.600.000
42	Monitor 7 thông số BSM-3562 Nihon Kohden	1	Cái	247.500.000	99.000.000	49.500.000
43	Máy thở Puritan bennett 840 Ventilator System Convinden	1	Bộ	648.500.000	324.250.000	216.166.667
44	Máy thở Puritan bennett 840 Ventilator System Convinden	1	Bộ	648.500.000	324.250.000	216.166.667
45	Máy thở Puritan bennett 840 Ventilator System Convinden	1	Bộ	648.500.000	324.250.000	216.166.667
46	Máy thở Puritan bennett 840 Ventilator System Convinden	1	Bộ	648.500.000	324.250.000	216.166.667
47	Máy thở Puritan bennett 840 Ventilator System Convinden	1	Bộ	648.500.000	324.250.000	216.166.667
48	Máy thở Puritan bennett 840 Ventilator System Convinden	1	Bộ	648.500.000	324.250.000	216.166.667

STT	Tên tài sản (*)	Số lượng	Đơn vị tính	Nguyên giá (*)	Giá trị còn lại đến 31/12/2024	Giá trị còn lại tạm tính đến 31/12/2025
49	Máy lọc máu liên tục Prismaflex	1	Cái	1.268.000.000	760.800.000	570.600.000
50	Hệ thống ECMO Terumo SP-200	1	Hệ thống	3.400.000.000	2.040.000.000	1.530.000.000
51	Máy thở Oxy dòng cao TNI SoftFlow 50	1	Cái	200.000.000	120.000.000	90.000.000
52	Máy thở Oxy dòng cao TNI SoftFlow 50	1	Cái	200.000.000	120.000.000	90.000.000
53	Máy thở chức năng cao Puritan Bennett 560 Covidien	1	Máy	226.800.000	175.770.000	131.827.500
54	Máy thở chức năng cao Puritan Bennett 560 Covidien	1	Máy	226.800.000	175.770.000	131.827.500
55	Máy trao đổi Oxy ngoài cơ thể - ECMO Rotaflow Magnet	1	Hệ thống	2.232.000.000	1.729.800.000	1.297.350.000
56	Máy hạ thân nhiệt chỉ huy Medivance 5000	1	Cái	1.579.200.000	1.263.360.000	1.010.688.000
57	Máy thở chức năng cao Puritan Bennett 840	1	Cái	539.000.000	323.400.000	242.550.000
58	Máy thở chức năng cao Puritan Bennett 840	1	Cái	539.000.000	323.400.000	242.550.000
59	Máy đo chức năng hô hấp MES LUNGTEST Mobile	1	Bộ	120.000.000	96.000.000	76.800.000
60	Máy sấy công nghiệp	1	Cái	250.000.000	150.000.000	112.500.000
61	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số Philips IntelliVue MX430	1	Cái	153.900.000	92.340.000	69.255.000
62	Lồng ấp trẻ sơ sinh JW Bio Science CHS-11000	1	Bộ	250.000.000	200.000.004	160.000.003
63	Máy thở xâm nhập và không xâm nhập Vela CareFusion	1	Cái	500.000.000	200.000.000	100.000.000
64	Máy thở Carescape R860 GE Healthcare có CN thử nghiệm cai thở tự nhiên	1	Máy	649.000.000	259.600.000	129.800.000
65	Máy thở chức năng cao Evita V300 (kèm bộ khí dung)	1	Cái	1.020.000.000	510.000.000	340.000.000
66	Máy thở chức năng cao Evita V300 (kèm bộ khí dung)	1	Cái	1.020.000.000	510.000.000	340.000.000
67	Máy thở xách tay OXYLOG VE300 Drager	1	Cái	329.799.750	164.899.875	109.933.250
68	Monitor cao cấp có chức năng theo dõi từ xa	1	Hệ thống	429.900.000	257.940.000	193.455.000
69	Máy thở cao cấp kèm bộ khí dung có chức năng kết nối với hệ thống Telemedicine	1	Hệ thống	719.800.000	431.880.000	323.910.000
70	Máy thở cao cấp kèm bộ khí dung có chức năng kết nối với hệ thống Telemedicine	1	Hệ thống	719.800.000	431.880.000	323.910.000
71	Máy lọc máu liên tục OMNI B.Braun	1	Cái	1.200.000.000	720.000.000	540.000.000
72	Máy thở Oxy dòng cao TNI SoftFlow 50	1	Cái	200.000.000	120.000.000	90.000.000
73	Máy thở Oxy dòng cao TNI SoftFlow 50	1	Cái	200.000.000	120.000.000	90.000.000
74	Máy thở chức năng cao Puritan Bennett 840	1	Cái	539.000.000	323.400.000	242.550.000
75	Máy thở chức năng cao Puritan Bennett 840	1	Cái	539.000.000	323.400.000	242.550.000
76	Hệ thống khí sạch (Trụ sở làm việc mới Ban BVSK CB tỉnh kết hợp khu điều trị của BV HNĐK Nghệ An)	1	Hệ thống	846.800.000	592.760.000	474.208.000
77	Máy thận nhân tạo Fresenius Medical Care 4008S	1	Cái	330.000.000	198.000.000	148.500.000

STT	Tên tài sản (*)	Số lượng	Đơn vị tính	Nguyên giá (*)	Giá trị còn lại đến 31/12/2024	Giá trị còn lại tạm tính đến 31/12/2025
78	Máy thận nhân tạo Fresenius Medical Care 4008S	1	Cái	330.000.000	198.000.000	148.500.000
79	Máy thận nhân tạo Fresenius Medical Care 4008S	1	Cái	330.000.000	198.000.000	148.500.000
80	Máy thận nhân tạo Fresenius Medical Care 4008S	1	Cái	330.000.000	198.000.000	148.500.000
81	Máy thận nhân tạo Fresenius Medical Care 4008S	1	Cái	330.000.000	198.000.000	148.500.000
82	Máy thận nhân tạo Fresenius Medical Care 4008S	1	Bộ	257.400.000	199.485.000	149.613.750
83	Máy thận nhân tạo Fresenius Medical Care 4008S	1	Bộ	257.400.000	199.485.000	149.613.750
84	Máy chạy thận nhân tạo cá nhân DIALOG+ B.BRAUN	1	Máy	156.818.592	101.932.085	84.943.404
85	Máy chạy thận nhân tạo cá nhân DIALOG+ B.BRAUN	1	Máy	156.818.592	101.932.085	84.943.404
86	Máy chạy thận nhân tạo cá nhân DIALOG+ B.BRAUN	1	Máy	156.818.592	101.932.085	84.943.404
87	Máy chạy thận nhân tạo cá nhân DIALOG+ B.BRAUN	1	Máy	156.818.592	101.932.085	84.943.404
88	Máy chạy thận nhân tạo cá nhân DIALOG+ B.BRAUN	1	Máy	156.818.592	101.932.085	84.943.404
89	Máy chạy thận nhân tạo cá nhân DIALOG+ B.BRAUN	1	Máy	158.996.628	103.347.805	86.123.171
90	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số Philips IntelliVue MX430	1	Cái	153.900.000	92.340.000	69.255.000
91	Máy siêu âm tổng quát 4D, 3 đầu dò Philips Affiniti 70	1	Máy	2.558.500.000	1.790.950.000	1.432.760.000
92	Máy siêu âm tổng quát 2D, 3 đầu dò Philips Affiniti 70	1	Máy	2.210.000.000	1.547.000.000	1.237.600.000
93	Máy siêu âm tổng quát 2D, 3 đầu dò Philips Affiniti 70	1	Máy	2.210.000.000	1.547.000.000	1.237.600.000
94	Máy siêu âm tim mạch 2D, 3 đầu dò Philips Affiniti 70	1	Máy	2.313.000.000	1.619.100.000	1.295.280.000
95	Máy siêu âm tim mạch 2D, 3 đầu dò Philips Affiniti 70	1	Máy	2.313.000.000	1.619.100.000	1.295.280.000
96	Máy X-quang di động kỹ thuật số Ultra-30F Ecotron Co	1	Cái	1.150.000.000	575.000.000	383.333.333
97	Trang thiết bị cho phòng bác sĩ	1	Hệ thống	251.000.000	150.600.000	112.950.000
98	Xe đẩy chuyển dụng tích hợp thiết bị thông minh	1	Hệ thống	247.900.000	148.740.000	111.555.000
99	Xe đẩy chuyển dụng tích hợp thiết bị thông minh	1	Hệ thống	247.900.000	148.740.000	111.555.000
100	Máy thận nhân tạo Fresenius Medical Care 4008S	1	Cái	330.000.000	198.000.000	148.500.000
101	Máy Siêu âm 4D (03 đầu dò)	1	Cái	895.000.000	537.000.000	402.750.000
102	Hệ thống chụp cắt lớp vi tính 32 dãy Hitachi Supria	1	Hệ thống	8.080.000.000	4.848.000.000	3.636.000.000
103	Máy X-Quang di động kỹ thuật số ECOTRON ULTRA-30HF	1	Hệ thống	880.000.000	528.000.000	396.000.000
104	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát DRGEM GXR-40S	1	Hệ thống	1.900.000.000	1.140.000.000	855.000.000
105	Hệ thống đốt u bằng sóng cao tần (RFA) VIVA RFSYSTEM STARmed	1	Hệ thống	1.460.000.000	1.374.833.331	1.178.428.569
106	Máy đếm tế bào dòng chảy (máy phân tích tế bào dòng chảy) Navios EX Flow Cytometer 6 COLOR/ 2 LASER Beckman Coulter	1	Cái	4.946.800.000	1.978.720.000	989.360.000
107	Kính hiển vi CX43 Olympus	1	Cái	236.000.000	94.400.000	47.200.000
108	Tủ an toàn sinh học cấp 2 1386 Thermo Scientific	1	Cái	294.200.000	117.680.000	58.840.000
109	Máy tăng hạ nhiệt độ theo chu trình 7455 Thermo Scientific	1	Cái	943.000.000	377.200.000	188.600.000

STT	Tên tài sản (*)	Số lượng	Đơn vị tính	Nguyên giá (*)	Giá trị còn lại đến 31/12/2024	Giá trị còn lại tạm tính đến 31/12/2025
110	Máy đếm tế bào sống chết tự động R1 Olympus	1	Cái	238.600.000	95.440.000	47.720.000
111	Tủ lạnh âm sâu -86 độ C DFUD-657 CE Operon	1	Cái	310.000.000	124.000.000	62.000.000
112	Máy đọc Card Reader CR-1800 Tulip Diagnostics	1	Máy	250.350.000	200.280.000	166.900.000
113	Hệ thống chụp mạch một bình diện GE INNOVA IGS5	1	Hệ thống	18.680.000.000	11.208.000.000	8.406.000.000
114	Hệ thống khí y tế (Nhà điều trị nội trú Trung tâm Bệnh nhiệt đới)	1	Hệ thống	1.099.496.750	769.647.725	615.718.180
115	Hệ thống khí y tế (Trụ sở làm việc mới Ban BVSK cán bộ tính kết hợp khu điều trị nội trú)	1	Cái	1.103.049.781	772.134.847	617.707.878
116	Máy thở xâm nhập và không xâm nhập Vela CareFusion	1	Cái	500.000.000	200.000.000	100.000.000
117	Máy thở xâm nhập và không xâm nhập Vela CareFusion	1	Cái	500.000.000	200.000.000	100.000.000
118	Máy thở xâm nhập và không xâm nhập Vela CareFusion	1	Cái	500.000.000	200.000.000	100.000.000
119	Tủ thao tác IVF có bàn sưởi âm toàn bộ 2 người MAW-6D8 Dual Esco	1	Tủ	968.860.000	387.544.000	193.772.000
120	Tủ cấy CO2, N2, O6 ngăn MRI Esco	1	Tủ	629.000.000	251.600.000	125.800.000
121	Máy siêu âm tổng quát 4D, 4 đầu dò Philips Affiniti 70	1	Máy	2.661.000.000	1.862.700.000	1.490.160.000
122	Hệ thống chụp cộng hưởng từ 3.0 Tesla	1	HT	42.950.000.000	42.950.000.000	37.581.250.000
123	Máy xét nghiệm đàn hồi đồ cục máu	1	Bộ	1.930.000.000	1.930.000.000	1.688.750.000
124	Hệ thống nội soi tiêu hóa	1	Hệ thống	2.854.010.000	2.854.010.000	2.497.258.750
125	Hệ thống nội soi tiêu hóa	1	Hệ thống	2.854.010.000	2.854.010.000	2.497.258.750
126	Hệ thống nội soi tiêu hóa	1	Hệ thống	2.854.010.000	2.854.010.000	2.497.258.750
127	Hệ thống đàn nội soi tán sỏi đường mật	1	Hệ thống	3.365.000.000	3.365.000.000	2.944.375.000
128	Máy siêu âm tổng quát	1	Cái	1.125.000.000	1.125.000.000	984.375.000
129	Máy siêu âm tổng quát	1	Cái	1.125.000.000	1.125.000.000	984.375.000
130	Máy siêu âm tổng quát	1	Cái	1.125.000.000	1.125.000.000	984.375.000
131	Máy siêu âm tim	1	Cái	1.105.000.000	1.105.000.000	966.875.000
132	Máy siêu âm tim	1	Cái	1.105.000.000	1.105.000.000	966.875.000
133	Máy siêu âm tim	1	Cái	1.105.000.000	1.105.000.000	966.875.000
134	Máy siêu âm tim	1	Cái	1.105.000.000	1.105.000.000	966.875.000
135	Máy siêu âm sản khoa	1	Cái	1.425.000.000	1.425.000.000	1.246.875.000
136	Máy siêu âm sản khoa	1	Cái	1.425.000.000	1.425.000.000	1.246.875.000
137	Máy siêu âm sản khoa	1	Cái	1.425.000.000	1.425.000.000	1.246.875.000
138	Dao mổ siêu âm (Dao siêu âm cắt, hút gan và mô mềm)	1	Cái	3.434.000.000	3.434.000.000	3.004.750.000
139	Hệ thống bãi đậu xe ô tô thông minh và hệ thống camera an ninh	1	Hệ thống	945.000.000	354.375.000	236.250.000
140	Hệ thống Phòng cháy chữa cháy (Trụ sở làm việc mới Ban BVSK cán bộ tính kết hợp khu điều trị nội trú)	1	Cái	1.298.985.787	811.866.118	649.492.895

STT	Tên tài sản (*)	Số lượng	Đơn vị tính	Nguyên giá (*)	Giá trị còn lại đến 31/12/2024	Giá trị còn lại tạm tính đến 31/12/2025
141	Thang máy 5 điểm dừng tải bệnh nhân (Trụ sở làm việc mới Ban BVSK cán bộ tỉnh kết hợp khu điều trị nội trú)	1	Cái	1.100.000.000	687.500.000	550.000.000
142	Thang máy 5 điểm dừng tải khách, nhân viên (Trụ sở làm việc mới Ban BVSK cán bộ tỉnh kết hợp khu điều trị nội trú)	1	Cái	1.025.000.000	640.625.000	512.500.000
143	Máy chủ Dell PowerEdge R750 24x 2.5:2 x Intel Xeon Gold 6330 2G/4 x 64 GB RDIMM/4 X Samsung PM893 960GB SATA 6Gb/s/PERC H755 /iDRAC9, Enterprise 15G/DVD+RW/Power Supply (1+1),800W (Windows Svr Std 2022 64Bit English 1pk DSP OEI DVD 16 Core)	1	Bộ	291.135.000	203.794.500	145.567.500
144	Hệ thống thiết bị báo gọi y tá (Trụ sở làm việc mới Ban BVSK cán bộ tỉnh kết hợp khu điều trị nội trú)	1	Cái	954.690.000	381.876.000	190.938.000
145	Hệ thống mạng lan + điện thoại (Trụ sở làm việc mới Ban BVSK cán bộ tỉnh kết hợp khu điều trị nội trú)	1	Cái	1.195.672.011	478.268.805	239.134.403
	Tổng cộng					636.710.553.433

✓